TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 579/2017/HSPT
Ngày 28/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1041/2016/TL-PT ngày 30 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo Hoàng A D do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

* ***Bị cáo bị kháng cáo:***

Hoàng A D, sinh ngày 15/11/1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông Hoàng A D1 và bà Hoàng Thị Nh; có vợ là Hoàng Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt giam từ ngày 14/3/2016; có mặt.

* **Người bị hại:** Cháu Giàng Thị D2, sinh ngày 10/01/2002.

* **Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:** Ông Giàng A S, sinh năm 1978 (là bố đẻ người bị hại); trú tại: bản L, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

*** Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Dương D3, Cán bộ Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tết Nguyên đán năm 2016, thông qua bạn bè, Hoàng A D có số điện thoại của cháu Giàng Thị D2, sinh ngày 11/01/2002, trú tại bản L, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, D nhiều lần gọi điện, nhắn tin nói chuyện với cháu D2 và giới thiệu mình tên là T, chưa lấy vợ, người ở P, xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Qua nhiều lần gọi điện, nhắn tin, D và cháu D2 đã trực tiếp gặp mặt nhau hai lần tại lán trông dê của gia đình cháu D2 ở Bản L1, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, cháu D2 biết D đã có vợ nhưng cả hai người vẫn liên tục gọi điện nhắn tin nói lời yêu thương nhau.

Khoảng 15 giờ ngày 12/3/2016, D gọi điện và biết D2 đang chăn dê ở đồi Bản L, xã T, huyện B, D liền đi xe máy đến gửi ở nhà Triệu Dao C rồi đi bộ theo đường mòn khoảng 1 km đến gặp cháu D2. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì D cùng cháu D2 đi xe máy của D sang Bản L2, xã T để mua thẻ điện thoại, trên đường đi D rủ cháu D2 sang S, B1 chơi, cháu D2 đồng ý. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày thì hai người đến nơi và dừng xe nghỉ ở bãi cỏ cạnh đường nói chuyện. Khoảng 4 giờ ngày 13/3/2016, D nảy sinh ý định giao cấu với cháu D2, D hỏi cháu D2 cho quan hệ tình dục, cháu nói "không được, phải về hỏi ý kiến bố mẹ đã". Thấy D liên tục đòi quan hệ tình dục, cháu D2 đồng ý nhưng với điều kiện là sau khi giao cấu xong, D phải đến bảo bố mẹ D2 hỏi lấy D2 làm vợ, D đồng ý. D dùng tay vén váy của cháu D2 lên, kéo quần mặc bên trong xuống và cho một ống quần ra khỏi chân cháu, còn D tự cởi quần rồi nằm đè lên người cháu thực hiện việc giao cấu. Đến 5 giờ sáng cùng ngày, D cùng cháu D2 xuống B chơi, chiều thì về. Trên đường về, khoảng 19 giờ cùng ngày cả hai vào nghỉ ở lán bỏ hoang cạnh đường thuộc Bản L1, xã T, huyện B. Tại đây, D và cháu D2 quan hệ tình dục lần thứ hai.

Sau đó, cả hai đi về nhà cháu D2 thì gặp ông Giàng A S (là bố đẻ của D2), D nói tên là T, nhà ở P, M, B muốn lấy D2 về làm vợ. Ông S gọi điện

cho người quen ở P để kiểm tra, đồng thời kiểm tra chứng minh thư của D thì phát hiện D nói dối nên yêu cầu D cùng đến Công an làm rõ sự việc.

Kết quả kiểm tra cháu Giàng Thị D2 tại Bệnh viện Đa khoa huyện B ngày 14/3/2016 xác định: "Trên cơ thể không có vết xước, âm hộ hơi nề đỏ, không bầm tím, không ra máu âm đạo, màng trinh rách ở vị trí 5h và 7h, xung quanh vết rách có vết bầm tím nhẹ".

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 003/16/TD ngày 24/3/2016, Trung tâm Pháp y, Sở Y tế Cao Bằng, kết luận: "Màng trinh rách cũ ở các điểm 5h, 10h. Qua thăm khám âm hộ, màng trinh, âm đạo chứng tỏ đã có vật có đường kính trên 3cm đưa qua lỗ màng trinh vào âm đạo. Hiện tại không có thai".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HSST ngày 22/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng A D 02 (hai) năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em".

Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 19.495.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2016, đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Giàng A S kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường đối với bị cáo Hoàng A D.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hoàng A D không kháng cáo và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Giao cấu với trẻ em" là đúng người, đúng tội, mức hình phạt 02 (hai) năm tù đối với bị cáo là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chỉ đồng ý bồi thương thêm 5.000.000 đồng cho người bị hại. Số tiền 60.000.000 đồng mà gia đình bị cáo và gia đình bị hại thỏa thuận bị cáo không đồng ý.

Đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Giàng A S đề nghị bị cáo Hoàng A D phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng như đã thỏa thuận ngày 26/8/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đại diện hợp pháp của người bị hại và có quan điểm như sau: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hoàng A D

phạm tội "Giao cấu với trẻ em" theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với Hoàng A D là tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội D gây ra. Về mức bồi thường thiệt hại: đại diện gia đình người bị hại và đại diện gia đình bị cáo thỏa thuận bồi thường 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường thêm 5.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo. Đối với yêu cầu của đại diện người bị hại đề nghị không chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận tội của Hoàng A D tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với Kết luận giám định pháp y về tình dục; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Hoàng A D đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu Giàng A D2 hai lần vào ngày 12/3/2016 và ngày 13/3/2016. Khi D thực hiện hành vi giao cấu thì cháu D2 mới 14 tuổi 02 tháng 02 ngày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Giao cấu với trẻ em" với tình tiết tăng nặng định khung "phạm tội nhiều lần" theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Giàng A S đề nghị bị cáo Hoàng A D phải bồi thường 60.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/8/2016, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Hoàng A D phải bồi thường tổng số tiền 19.495.000 đồng, bao gồm: tiền tổn thất về tinh thần 18.150.000 đồng (15 tháng lương); tiền giám định tư pháp 680.000 đồng; và chi giám định 665.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận mức yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp người bị hại như Biên bản thỏa thuận ngày 26/8/2016 giữa ông S và ông Hoàng A D4 (bố đẻ bị cáo). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Hoàng A D đồng ý bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng cho người bị hại. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo. Buộc

bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Giàng A D2 tổng số tiền 24.495.000 đồng. Xác nhận gia đình bị cáo Hoàng A D đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng A D còn phải tiếp tục bồi thường 9.495.000 đồng.

[2] Theo quy định của Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của đại diện hợp người bị hại về phần bồi thường thiệt hại không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị tăng mức bồi thường đối với bị cáo; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Hoàng A D.

[2] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt: Hoàng A D 02 (hai) năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em". Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc bị cáo Hoàng A D phải bồi thường cho người bị hại Giàng Thị D2 số tiền 24.495.000 đồng.

Xác nhận gia đình bị cáo Hoàng A D đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng A D còn phải tiếp tục bồi thường 9**.**495.000 đồng *(Chín triệu, bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng).*

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí: Ông Giàng A S, đại diện hợp pháp người bị hại phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận**:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo (qua trại);
- Đại diện bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Anh Tài